| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC BÌNH**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 64/2025/HS-ST
Ngày: 26 - 6 - 2025

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Xuân Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Đổi, bà Phạm Thị Bích Lệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bá Văn Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2025/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HS ngày 07/5/2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số 50/2025/QĐXXST-HS ngày 19/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/HSST-QĐ ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đối với bị cáo:

**Họ và tên: Nguyễn T**, sinh ngày 06/6/1966 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ Nguyễn Thị T1, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ông Mai Thành T2, sinh năm 1967 (vắng mặt tại phiên tòa)

+ Ông Dương Minh N1, sinh năm 1978 (có mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978 (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Khu phố Lương Nam, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Lê Tấn T3, sinh năm 1978 (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quen biết từ trước nên ông Mai Thành T2, sinh năm 1967, trú tại thôn H, xã H, huyện B đến nhà Nguyễn T, sinh năm 1966, trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện B để vay mượn tiền đầu tư mua bán bất động sản. T đã cho ông T2 vay tiền cụ thể như sau: Vào ngày 26/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 21/10/2022 dương lịch) cho vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất là 9%/01 tháng, tương đương với lãi suất 108%/01 năm; Ngày 29/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 24/10/2022 dương lịch) cho vay 5.000.000.000 đồng với lãi suất là 9%/01 tháng, tương đương với lãi suất 108%/01 năm; Ngày 01/10/2022 âm lịch (nhằm ngày 25/10/2022 dương lịch) cho vay 500.000.000 đồng với lãi suất là 9%/01 tháng, tương đương với lãi suất 108%/01 năm. Đến ngày 16/10/2022 âm lịch (tức ngày 09/11/2022 dương lịch), T tính lãi suất khoản vay 1.000.000.000 đồng là 60.000.000 đồng, lãi suất khoản vay 5.000.000.000 đồng là 255.000.000 đồng, lãi suất khoản vay 500.000.000 đồng là 24.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 22/9/2022 âm lịch (tức ngày 17/10/2022 dương lịch) T còn cho ông T2 vay số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 06%/01 tháng (tương đương 72%/01 năm). Kể từ ngày 17/10/2022 âm lịch (tức ngày 10/11/2022 dương lịch) T nhập các khoản cho ông T2 vay với tổng số tiền là 6.5000.000.000 đồng có cùng lãi suất 09%/01 tháng. T và ông T2 thống nhất lấy điểm mốc 10 ngày, 20 ngày hoặc 1 tháng thì sẽ tính tiền lãi suất 01 lần, nếu ông T2 không trả được tiền lãi thì số tiền lãi này được T tính lãi suất 06%/01 tháng, sau đó cộng vào khoản vay 500.000.000 đồng lãi suất 06%/01 tháng mà T cho T2 vay vào ngày 22/9/2022 âm lịch. Từ ngày 10/11/2022 đến ngày 17/11/2023, T tính tiền lãi suất 09%/01 tháng mà ông T2 phải trả cho khoản vay 6.500.000.000 đồng là 7.546.500.000 đồng. Như vậy, Từ ngày 26/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 21/10/2022 dương lịch) đến ngày 05/10/2023 âm lịch (nhằm ngày 17/11/2023 dương lịch), tổng tiền lãi mà T tính buộc ông T2 phải trả cho T đối với tổng khoản vay 6.500.000.000 đồng là 7.885.500.000 đồng. Trong thời gian này, ông T2 đã trả cho T số tiền lãi là 3.499.000.000 đồng. Nhưng theo quy định của Nhà nước thì lãi suất cho vay tối đa là 20%/01 năm, như vậy số tiền lãi T được phép thu tối đa từ ông T2 là 1.387.304.314 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính từ khoản cho ông T2 vay 6.500.000.000 đồng là 2.111.695.686 đồng. Đến ngày 06/10/2023 âm lịch (tức ngày 18/11/2023 dương lịch) thì T tính lãi suất cho ông T2 vay là 06%/01 tháng với tổng số tiền 6.500.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2024, ông Mai Thành T2 làm Đơn tố cáo Nguyễn Thành C vay nặng lãi đến Cơ quan cảnh sát điều tra C1 tỉnh Bình Thuận. Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra C1 tỉnh Bình Thuận tiến hành thụ lý, xác minh vụ việc. Đến ngày 31/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch

dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, rồi chuyển hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra còn xác định từ ngày 07/8/2022 âm lịch đến ngày 29/12/2022 âm lịch (tức từ ngày 02/9/2022 đến ngày 20/01/2023 dương lịch) T cho Dương Minh N1, sinh năm 1978, trú tại thôn H, xã H, huyện B vay số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 9%/01 tháng tương đương với lãi suất 108%/01 năm. Sau khi vay được 04 tháng 22 ngày thì T tính tiền lãi cho N1 là 426.000.000 đồng. N1 đã trả cho T tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 390.000.000 đồng. Theo quy định của Nhà nước cho phép lãi suất cho vay tối đa là 20%/01 năm thì số tiền lãi T được phép thu từ N1 là 78.721.462 đồng. Như vậy số tiền T thu lợi bất chính là 311.278.538 đồng.

Đối với nguồn gốc số tiền 6.5000.000.000 đồng mà T cho ông Mai Thành T2 vay với lãi suất 9%/01 tháng và số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Dương Minh N1 vay với lãi suất 9%/01 tháng là tiền chung của vợ chồng Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971 có được từ việc kinh doanh, buôn bán của gia đình. T tự ý lấy số tiền trên cho ông T2 và ông N1 vay tiền thì bà T1 hoàn toàn không hay biết gì. Theo bà T1 khai rằng lúc đó chỉ nghĩ ông T lấy tiền đi mua bán bất động sản có được số tiền lãi trên. Hiện ông Mai Thành T2 chưa trả lại cho Nguyễn T số tiền 6.500.000.000 đồng.

Đối với các khoản vay còn lại mà T cho ông T2 vay với lãi suất 6%/01 tháng thì T và ông T2 sẽ tự thỏa thuận, nếu thương lượng không được thì sẽ khởi kiện ra Tòa án nhân dân để được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

Về tang, vật chứng của vụ án: Ngày 27/10/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn T có tạm giữ: 02 (hai) Giấy mượn tiền lập ngày 09/10/2024; 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 27/12/2023; 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 01/11/2023; 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 21/03/2024; 01 (một) Giấy hẹn nợ; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 677949, số vào sổ cấp GCN CH01456 ngày 11/7/2014 (loại bản phô tô); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 428952, số vào sổ cấp GCN: CS05819 ngày 31/8/2021 (loại bản phô tô); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 470644, số vào sổ cấp GCN: CS04873 ngày 18/6/2021 (loại bản phô tô); 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 28/03/2023; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hồ sơ gốc số 2910/QĐ - UBND ngày 27/5/2009, bản gốc); 01 (một) cuốn sổ ghi chép bên ngoài có dòng chữ “Vòng quanh thế giới” được đánh số từ số 1 đến số 68; 01 (một) cuốn sổ ghi chép bên ngoài có dòng chữ “Wonderful” được đánh số từ số 1 đến số 11; 01 (một) cuốn sổ ghi chép bên ngoài có dòng chữ “ABC” được đánh số từ số 1 đến số 25.

Ngày 30/10/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tạm giữ của ông Mai Thành T2 01 đĩa DVD – R bên trong có chứa 09 đoạn ghi âm.

Ngày 27/10/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tạm giữ của ông Nguyễn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu

vàng, số máy: MG903LL/A, số IMEI 1: 35 487650318213 6, số IMEI 2: 35 487650 300937 0, số thuê bao di động: 0942.288.143.

Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hồ sơ gốc số 2910/QĐ - UBND ngày 27/5/2009, bản gốc). Xét thấy không liên quan đến vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành .

Về phần dân sự: Nguyễn T đã hoàn trả lại số tiền thu nhập bất chính 311.278.538 đồng cho Dương Minh N1 nên ông N1 không yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền cho vay giữa T và ông T2 chưa thanh toán với nhau, nên M Thành Tâm yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS.HBB ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn T, về tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận về hành vi phạm tội của bị cáo về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; bị cáo là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3); có thành tích xuất sắc được Ủy ban nhân dân thị trấn L tặng giấy khen. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, điểm s, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V mức án từ 6 (sáu) tháng đến 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1 (một) năm đến 1 (một) năm 6 (sáu) tháng.

Về hình phạt bổ sung đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự xử phạt buộc bị cáo Nguyễn T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án buộc ông Mai Thành T2 nộp lại số tiền 6.500.000.000 đồng là tang vật của vụ án. Trong đó, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 3.250.000.000 đồng (là số tiền 50% của Nguyễn T sử dụng vào việc phạm tội); Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 3.250.000.000 đồng (là số tiền 50% của bà T1 không liên quan đến vụ án); buộc Nguyễn T hoàn trả cho Mai Thành T2 số tiền thu lợi bất chính là 2.111.695.686 đồng; buộc Nguyễn Thành N2 lại số tiền 500.000.000 đồng để tịch thu sung công quỹ nhà nước (đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội mà Nguyễn T cho Dương Minh N1 vay); buộc Nguyễn T phải nộp số tiền 1.466.025.776 đồng (đây là số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự mà T đã thu M Thành Tâm 1.387.304.314 đồng và Dương Minh N1 78.721.462.000 đồng).

Đối với số tiền thu nhập bất chính 311.278.538 đồng mà Nguyễn T đã thu của Dương Minh N1. Bị cáo Nguyễn T đã hoàn trả lại số tiền trên và ông N1 không yêu cầu gì thêm, do đó không đề nghị xem xét, giải quyết.

Đề nghị tịch thu vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số máy: MG903LL/A, số IMEI 1: 35 4876503182136, số IMEI 2: 35 4876503009370, số thuê bao di động: 0942.288.143.

Bị cáo Nguyễn Thành K trình bày lời bào chữa, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đưởng hưởng án treo để tu dưỡng rèn luyện trở thành công dân tốt cho xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]** Về hành vi, Quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Thành T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Các bị cáo và bị hại, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nói trên.

Xét trong quá trình điều tra ông Mai Thành T2 đã có lời khai đầy đủ và cũng không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Mai Thành T2 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2]** Về hành vi phạm tội của bị cáo: Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Thành T4 phiên tòa với biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; sao kê tài khoản của bị cáo do Ngân hàng thương mại cổ phần Q, ngân hàng N3 cung cấp; biên bản làm việc về việc kiểm tra điện thoại của bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/10/2022 đến ngày 17/11/2023, bị cáo Nguyễn Thành tự Ý lấy tiền chung của vợ chồng cho ông Mai Thành T2 vay tiền với tổng số tiền (tiền gốc) là 6.500.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là

3.499.000.000 đồng và cho ông Dương Minh N1 vay tiền với tổng số tiền (tiền gốc) là 1.000.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là 390.000.000 đồng. Số tiền lãi bị cáo thu của Mai Thành T2, Dương Minh N1 tương ứng mức lãi suất cho vay 108%/năm - vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm); trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) đối với khoản vay của M1 là 1.387.304.314 đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng (tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) là 2.111.695.686 đồng; số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) đối với khoản vay của Dương Minh N1 là 78.721.462 đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng (tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) là 311.278.538 đồng.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương mà còn xâm phạm lợi ích của công dân, làm cho người vay tiền có thể lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" thuộc trường hợp "Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thành L người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, bị nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ vụ lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng người dân có nhu cầu vay tiền, bị cáo đã cố tình cho vay với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

**[3]** Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định trong các lần bị cáo Nguyễn T cho Mai Thành T2 vay tiền và thu lãi vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, có nhiều lần số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự .

**[4]** Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn T, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được tặng Huân chương chiến công hạng 3, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; quá trình công tác tại Hội cựu chiến binh thị trấn L bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được tặng giấy khen, các lần phạm tội của bị cáo đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của

Đảng, pháp luật của Nhà nước; bị cáo đang điều trị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu, đau đầu do căng thẳng tại bệnh viện đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm và sau sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục **[4]** của bản án, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, có sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

**[5]** Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[6]** Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thành T5 quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

**[7]** Về biện pháp tư pháp:

**[7.1]** Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thành D để cho M Thành Tâm vay (tiền gốc) là 6.500.000.000 đồng và cho Dương Minh N1 vay là 1.000.000.000 đồng với lãi suất 108%/năm và thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng. Xét đây là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đây là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn T và Nguyễn Thị T1, trong khi bà Nguyễn Thị T1 không biết việc bị cáo tự ý lấy tiền của gia đình đi cho người khác vay với lãi suất cao nên cần hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 3.250.000.000 đồng (50% đối với khoản vay 6.500.000.000 đồng của Mai Thành T2) vì bà T1 không liên quan đến vụ án. Đối với số tiền cho Dương Minh N1 vay thì T và N1 đã trả xong cho T nhưng cần buộc Nguyễn T phải nộp số tiền 500.000.000 đồng (50% số tiền 1.000.000.000 đồng) mà T cho T2 vay để sung vào ngân sách nhà nước.

**[7.2]** Tổng số tiền lãi mà bị cáo Nguyễn T đã nhận của M Thành Tâm theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 1.387.304.314 đồng và đã nhận của Dương Minh N1 là 78.721.462 đồng. Số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng xét đây cũng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội, do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung, nộp vào ngân sách nhà nước.

**[7.3]** Quá trình điều tra, Mai Thành T2, Dương Minh N1 khai sử dụng vốn vay nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng, bổ sung vốn kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thành T6 lại cho M Thành Tâm khoản tiền thu lợi bất

chính từ việc cho vay lãi nặng (tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) mà bị cáo thực tế đã thu của T2 tương ứng với số tiền 2.111.695.686 đồng và trả lại cho Dương Minh N1 với số tiền 311.278.538 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra Nguyễn T đã trả số tiền 311.278.538 đồng cho Dương Minh N1 và tại phiên tòa N1 không yêu cầu gì thêm nên không xét.

**[8]** Việc xử lý vật chứng:

**[8.1]** Phương tiện mà bị cáo Nguyễn Thành D vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số máy: MG903LL/A, số IMEI 1: 35 487650318213 6, số IMEI 2: 35 4876503009370, số, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**[8.2]** Đối với 01 sim điện thoại số thuê bao di động: 0942.288.143 (trong chiếc điện thoại di động Iphone 12 Promax, màu vàng nêu trên), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**[8.3]** Đối với 01 đĩa DVD – R bên trong có chứa 09 đoạn ghi âm đã được niêm phong, là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

**[8.4]** Đối với 02 (hai) Giấy mượn tiền lập ngày 09/10/2024; 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 27/12/2023; 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 01/11/2023; 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 21/03/2024; 01 (một) Giấy hẹn nợ; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 677949, số vào sổ cấp GCN CH01456 ngày 11/7/2014 (loại bản phô tô); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 428952, số vào sổ cấp GCN: CS05819 ngày 31/8/2021 (loại bản phô tô); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 470644, số vào sổ cấp GCN: CS04873 ngày 18/6/2021 (loại bản phô tô); 01 (một) Giấy mượn tiền lập ngày 28/03/2023; 01 (một) cuốn sổ ghi chép bên ngoài có dòng chữ "Vòng quanh thế giới" được đánh số từ số 1 đến số 68; 01 (một) cuốn sổ ghi chép bên ngoài có dòng chữ "Wonderful" được đánh số từ số 1 đến số 11; 01 (một) cuốn sổ ghi chép bên ngoài có dòng chữ "ABC" được đánh số từ số 1 đến số 25 là các chứng cứ lưu trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

**[8.5]** Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hồ sơ gốc số 2910/QĐ - UBND ngày 27/5/2009, bản gốc) mang tên Lê Tấn T3 trong quá trình truy tố do không liên quan đến vụ án nên đại diện Viện kiểm sát đã trả lại cho bị cáo; đồng thời tại phiên tòa Lê Tấn T3 không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, trường hợp phát sinh sẽ khởi kiện trong một vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[9]** Đối với bà Nguyễn Thị T1 (vợ của bị cáo Nguyễn T). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn T, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

**[10]** Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành P chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**[11]** Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành phạm T7: **"*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".**

Xử phạt bị cáo bị cáo Nguyễn Thành 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1 (một) năm 6 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/6/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Thành C Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp Nguyễn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2.** Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn T phải nộp số tiền 100.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

**3.** Về xử lý tang vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn T phải nộp lại số tiền 1.966.025.776 đồng (trong đó, số tiền gốc đã cho Dương Minh N1 vay là 500.000.000 đồng; tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền đã cho M Thành Tâm và Dương Minh N1 vay là 1.466.025.776 đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc ông Mai Thành T2 nộp lại số tiền 6.500.000.000 đồng là số tiền mà Mai Thành T2 đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Thành Đ1 sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.250.000.000 đồng và trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 3.250.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành T6 lại ông Mai Thành T2 số tiền 2.111.695.686 đồng (hai tỷ một trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm tám

mươi sáu đồng) là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo thực tế đã thu của Mai Thành T2.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, người có nghĩa vụ thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tịch thu vào ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số máy: MG903LL/A, số IMEI 1: 35 4876503182136, số IMEI 2: 35 4876503009370 của Nguyễn Thành .

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại 0942.288.143.

(Theo biên bản giao nhận ngày 26/6/2025 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận)

**4.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thành P chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Dương Minh N1, Nguyễn Thị T1, Lê Tấn T3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Mai Thành T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình;
- Công an tỉnh Bình Thuận;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Xuân Ngọc**